

Bản án số: **33/2021/DS-ST**

Ngày: 29 - 7 - 2021.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa ông L và vợ chồng
ông Đ, bà D.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Sáu

2. Ông Phạm Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Lâm Đình L, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số 43 đường Nguyễn Khuyến, Phường X, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*).

* **Bị đơn:** Vợ chồng ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1973 và bà Đỗ Thị D, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lâm Đình L trình bày:

Vào ngày 24/6/2020 ông L có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 100.000.000đ để kinh doanh, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng. Đến hạn, mặc dù ông L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả nợ. Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy Đ của pháp luật kể từ ngày vay đến nay.

* *Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Đ, bà D tại*

Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn ông Lâm Đình L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ông Lâm Đình L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 24/6/2020 ông L có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 100.000.000đ hạn đến ngày 24/9/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Nhưng đến hạn, ông L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả đầy đủ số tiền nợ như đã cam kết nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã cung cấp cho Tòa án bản chính 01 Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/6/2020 có chữ ký của vợ chồng ông Đ, bà D và được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Đỗ Hữu Sâm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc ông L và vợ chồng ông Đ, bà D có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, cả hai vợ chồng ông Đ, bà D đều ký nhận vào giấy mượn tiền và được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Đỗ Hữu Sâm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho ông L hay chưa. Ông L trình bày vợ chồng ông Đ, bà D chưa trả được đồng nào. Vì vậy, ông L yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn nợ 100.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất: Theo Điều 3 của Hợp đồng vay tiền thì lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận. Ông L trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, vợ chồng ông Đ, bà D vắng mặt nên cần xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự,

tương đương $20\%/năm \times 50\% = 10\%/năm : 12 \text{ tháng} = 0,83\%/tháng$. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông L yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày vay 24/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 13 tháng $\times 100.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 10.790.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 110.790.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L đối với vợ chồng ông Đ, bà D; Buộc vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả cho ông L tổng số tiền là 110.790.000đ; trong đó: tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 10.790.000đ.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông Đ, bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $110.790.000đ \times 5\% = 5.539.500đ$.

Ông Lâm Đình L không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình L đối với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Lâm Đình L số tiền 110.790.000đ (*Một trăm mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng*); trong đó: tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 10.790.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải chịu 5.539.500đ (*Năm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lâm Đình L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lâm Đình L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.749.000đ (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004952 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

